

SỰ VẬN ĐỘNG CỦA VĂN HỌC HIỆN THỰC PHÁP CUỐI THẾ KỶ XIX

Hà Thị Thu Phương

Trường Đại học Văn Hiến

PhuongHTT@vhu.edu.vn

Ngày nhận bài: 24/9/2018; Ngày duyệt đăng: 17/12/2018

TÓM TẮT

Qua khảo sát các công trình nghiên cứu về dòng văn học hiện thực trong văn học Pháp thế kỷ XIX được công bố từ thập niên 80 của thế kỷ XX đến nay, chúng tôi nhận thấy rằng nhiều nhà nghiên cứu đã hết lời ca ngợi phương pháp sáng tác và ý nghĩa của văn học hiện thực phê phán nhưng hạ thấp giá trị của dòng văn học tự nhiên chủ nghĩa, xem văn học tự nhiên chủ nghĩa là dòng văn học suy đồi. Bài báo này nhằm chứng minh rằng Chủ nghĩa tự nhiên là một bộ phận trong dòng văn học hiện thực, không thể xếp vào dòng văn học suy đồi và có nét khác biệt trong phương pháp sáng tác.

Từ khóa: văn học hiện thực, văn học Pháp, Chủ nghĩa tự nhiên, văn học Công xã Paris

The movement of realism in the late Nineteenth century French literature

Abstract

Through surveys of works on realistic literature in French literature in the nineteenth-century, published since the 80s of the twentieth century, we found that many researchers have praised the writing method and the meaning of critical realist literature but lowered naturalist literature, and considered natural literature as a decadent literary line. This paper aims to prove that Naturalism is a part of the realism literature which cannot be classified as decadent literature because Naturalism looks at real life from the perspective of real natural history.

Keywords: Realism, French literature, Naturalism, The Paris commune literature.

1. Đặt vấn đề

Nước Pháp thế kỷ XIX đã chứng kiến sự thay đổi to lớn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... do sự tác động của những thành tựu khoa học - kỹ thuật và sự khẳng định quyền lực mạnh mẽ của giai cấp tư sản. Cuộc cách mạng tư sản tháng 2-1848 chính là dấu mốc quan trọng đánh dấu bước chuyển mình về lịch sử - xã hội và chính sự thay đổi trong hiện thực đời sống, tính đa diện của nó đã tác động đến các nhà văn dẫn đến sự thay đổi về tư duy nghệ thuật của họ. Trong sự thay đổi chung ấy, văn học Pháp cuối thế kỷ XIX cũng có sự thay đổi khuynh hướng thẩm mỹ rõ rệt.

Lịch sử văn học Pháp thế kỷ XIX ghi dấu sự thành công rực rỡ của hai dòng văn học lớn, quan trọng nhất là văn học lãng mạn và văn học hiện thực, trong đó dòng văn học hiện thực đã

đạt được những thành tựu đáng kể với những tài năng văn chương kiệt xuất như Honoré de Balzac, Stendhal, Gustave Flaubert, Émile Zola, Guy de Maupassant, Juyl Valex... Văn học hiện thực Pháp với biến thể của nó là chủ nghĩa tự nhiên đã có tầm ảnh hưởng sâu rộng, không chỉ ở Pháp mà còn lan tỏa ra nhiều nước khác trên thế giới. Ngoài ra, các dòng văn học khác như trường phái Thi sơn, chủ nghĩa tượng trưng, văn học viễn tưởng, văn học kỳ ảo, văn học công xã Paris... cũng đạt được những thành tựu rực rỡ.

Bài viết này nhằm mục đích tổng hợp tri thức về đặc điểm thẩm mỹ văn học hiện thực chủ nghĩa trong từng giai đoạn khác nhau, trên cơ sở đó chỉ ra sự vận động của dòng văn học này ở cuối thế kỷ XIX, mà minh chứng rõ ràng nhất là sự ra đời của chủ nghĩa tự nhiên như một phản ứng chống lại nguyên tắc thẩm mỹ của văn học

hiện thực phê phán và cao trào văn học Công xã Paris – dòng văn học ca ngợi người lao động có tác động lớn đến văn học xã hội chủ nghĩa Việt Nam thế kỷ XIX.

Tại Việt Nam, rất nhiều nhà nghiên cứu văn học phương Tây đã bàn đến đặc điểm thẩm mỹ văn học hiện thực Pháp cuối thế kỷ XIX. Đó là những công trình nghiên cứu chuyên sâu về các phong trào văn học như: văn học hiện thực phê phán - Lê Nguyên Cẩn (2014), Đỗ Đức Dục (1972, 1981), Đỗ Đức Hiểu (1978), Đặng Anh Đào và cộng sự (2012),... văn học Công xã Paris - mà tiêu biểu là Thái Thu Lan (1991, 2001)...; văn học tự nhiên chủ nghĩa - tác giả tiêu biểu là Lê Ngọc Tân (2002)...; Ngoài ra còn có một số nhà nghiên cứu đã quan tâm đến sự vận động của cả dòng văn học hiện thực như: Lê Hồng Sâm, Đặng Thị Hạnh (1981), Lê Hồng Sâm (1989), Hoàng Nhân (1997), Phùng Văn Tửu, Lê Hồng Sâm (chủ biên) (2005), Nguyễn Hữu Hiếu (2010), Hà Thị Thu Phương (2016)... Một số công trình của nước ngoài đã được dịch ra tiếng Việt, xuất bản tại Việt Nam như Fortassier (1982; Nguyễn Thanh dịch, 1999), De Ligny, Rousselot (1998; Trịnh Thu Hồng, Đỗ Phương Mai dịch, 1998), Сучков Б.Л. (1977a; Hoàng Ngọc Hiến và cộng sự 1980), Сучков Б.Л. (1977b; Hoàng Ngọc Hiến và cộng sự dịch, 1982), Darcos (1992; Phan Quang Định dịch, 1997)... Đây là những công trình được đánh giá cao và là nguồn tài liệu tham khảo quý của các nhà nghiên cứu văn học phương Tây, đặc biệt là văn học Pháp. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử, văn hóa nước ta trước đây nên một số đánh giá về dòng văn học này còn chưa thỏa đáng, tiêu biểu nhất là việc hạ thấp thái quá giá trị của chủ nghĩa tự nhiên, đề cao quá mức dòng văn học Công xã Paris trong dòng chảy văn học hiện thực Pháp cũng như những ảnh hưởng của nó đối với các nền văn học khác (cụ thể là văn học hiện thực Việt Nam), nhất là những tác phẩm được xuất bản trước 1986. Hiện nay, tư duy nghệ thuật đã được thay đổi (do những ảnh hưởng của những luồng văn hóa, tư tưởng mới) nên vấn đề trả lại giá trị vốn có cho các dòng văn học hiện thực, đặc biệt

là dòng văn học tự nhiên chủ nghĩa, xem như một biến thiên của chủ nghĩa hiện thực ngày càng được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu văn học. Qua bài viết này, tác giả cũng mong muốn góp thêm một cách nhìn sự vận động của văn học Pháp cuối thế kỷ XIX, trong đó, tác giả muốn nhấn mạnh chủ nghĩa tự nhiên là một bộ phận không thể tách rời của chủ nghĩa hiện thực, nó là một hình thái mới của chủ nghĩa hiện thực khi các đặc điểm thẩm mỹ của chủ nghĩa hiện thực phê phán không còn được chào đón như trước nữa.

2. Sự phân hóa mạnh mẽ của tiếng nói văn học nửa sau thế kỷ XIX

Nếu bối cảnh văn học Pháp nửa đầu thế kỷ XIX chủ yếu được kiến tạo bởi Chủ nghĩa hiện thực và Chủ nghĩa lãng mạn, thì đến nửa cuối thế kỷ XIX, đời sống văn học ấy có những sự thay đổi mạnh mẽ với sự xuất hiện nhiều khuynh hướng mới, tên gọi mới tạo nên tiếng nói đa thanh, phức điệu.

Trong lĩnh vực thơ ca, phái Parnasse (Thi son) với các tác giả tiêu biểu Théophile Gautier, Leconte de Lisle... chủ trương “*nghệ thuật vị nghệ thuật*”, thơ ca “*vô cảm*” và đề cao yêu cầu về sự gọt giũa ngôn từ. Những nhà thơ như Charles Baudelaire, Paul Verlaine, Arthur Rimbaud..., ban đầu là thành viên của phái thơ này nhưng sau đó họ cũng nhanh chóng ly khai, hình thành một trong những hiện tượng thơ hết sức quan trọng cuối thế kỷ XIX là chủ nghĩa tượng trưng.

Dòng văn học viễn tưởng, tiêu biểu là Jules Verne với các tác phẩm như *Hai vạn dặm dưới đáy biển*, *Vòng quanh thế giới trong 80 ngày*, *Hành trình vào tâm trái đất*..., không chỉ thu hút các em nhỏ mà còn cả người lớn.

Dòng văn học kỳ ảo cũng xuất hiện, thậm chí ngay cả những nhà văn được coi là hiện thực vẫn dùng yếu tố kỳ ảo để làm phương tiện phản ánh hiện thực (chẳng hạn những tác phẩm được sáng tác vào những năm cuối đời của Guy de Maupassant như *Người đã khuất*, *Le Horla*,...).

Dòng văn học hiện thực vẫn tiếp tục sứ mệnh của nó, tiếp tục phát huy sở trường là quan sát, phân tích cuộc sống thường ngày, ngay trong

lòng thực tại dù mỗi nhà văn có nét riêng trong phong cách sáng tác. Hai phong trào cuối thế kỷ XIX được coi là sự tiếp nối của chủ nghĩa hiện thực cổ điển là Chủ nghĩa tự nhiên và Văn học Công xã Paris. Sự tiếp nối và thay đổi đặc điểm thẩm mỹ của hai phong trào văn học này sẽ được trình bày trong phần sau.

Tóm lại, văn học Pháp cuối thế kỷ XIX từng bước có sự phân hóa mạnh mẽ gắn liền với những hoàn cảnh lịch sử và bối cảnh văn học mới. Điều này phản ánh một bước đi mới của văn học trên con đường làm mới mình, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử - xã hội và tư duy của con người trong hoàn cảnh lịch sử và tri thức mới.

3. Sự tiếp tục truyền thống hiện thực

Năm 1848 được coi là năm bản lề phân định văn học Pháp giai đoạn đầu và cuối thế kỷ XIX. Từ năm này, một loạt sự kiện chính trị, khoa học, tư tưởng... đã làm cho đời sống vật chất cũng như tinh thần của người dân thay đổi, từ đó, nó tác động, làm thay đổi phương thức tư duy nghệ thuật của các nhà văn theo khuynh hướng tả thực.

Sự thay đổi quá nhanh chóng của kinh tế, khoa học, kỹ thuật đã làm nhiều nhà văn cảm nhận rõ sự thay đổi của phẩm chất con người, mở rộng ra là sự thay đổi cơ chế vận hành của xã hội. Các cuộc chiến làm cho nước Pháp trở nên kiệt quệ, sự đốn hèn của giai cấp thống trị trước cảnh đất nước bị xâm lăng đã khiến người dân cần lao khát khao đời sống mới tốt đẹp hơn tức giận đứng lên thành lập Công xã (1881). Những thành tựu mới về tư tưởng đã làm thay đổi tư duy của mọi người về thế giới khi cho rằng: *“thế giới là một thực thể khách quan luôn biến đổi và phát triển, mà động lực là những nhân tố tự nhiên chứ không phải do một lực huyền bí phi vật chất nào đó chỉ huy”* (Nguyễn Như Hiến và cộng sự, 2005: tr. 31). Học thuyết tiến hóa của Charles Darwin ảnh hưởng lớn đến Claude Bernard, tác giả cuốn *Nhập môn y học thực nghiệm* – cuốn sách có vai trò mở đường cho việc áp dụng phương pháp thực nghiệm vốn đã được sử dụng trong vật lý và hóa học vào y học. Chính bước phát triển mới này của y học thực nghiệm đã làm cho Émile Zola kết hợp với

lý thuyết về tự nhiên và di truyền của Lucas và lý thuyết về tiểu thuyết thực nghiệm của Hippolyte Taine, tiến hành một bước tiến mới nữa của khoa học thực nghiệm là áp dụng phương pháp thực nghiệm trong nghiên cứu tự nhiên vào nghiên cứu xã hội qua sáng tạo văn chương, đề xuất lý thuyết mỹ học tự nhiên chủ nghĩa trong văn học, cái mà Zola gọi chung là “tiểu thuyết thực nghiệm”.

Tất cả các sự kiện lịch sử cũng như những thành tựu về khoa học và tư tưởng đã làm thay đổi nhận thức của các nhà văn nhạy cảm với hiện thực đời sống, những nhà văn dùng ngòi bút “tả chân” để tái hiện, phân tích, lý giải, nhận định hiện thực. Đặc biệt, sự thay đổi nhận thức về nguồn gốc loài người đã làm thay đổi hoàn toàn nhận thức về số phận của con người mà mở rộng ra là sự vận động của xã hội. Sự thay đổi nhận thức về cuộc sống theo con mắt của một nhà khoa học đã khiến cho dòng văn học hiện thực lấy bút pháp miêu tả theo kiểu “nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình” không còn hấp dẫn với các nhà văn theo khuynh hướng “tả chân”, một biến thiên mới của dòng văn học này ra đời là Chủ nghĩa tự nhiên, một dòng văn học lấy việc phản ánh cuộc sống theo kiểu “chụp ảnh”, “khách quan tuyệt đối”.

Văn xuôi tả chân Pháp thế kỷ XIX có nguồn gốc từ dòng văn học thế tục tồn tại ngay từ trong văn học dân gian, biến đổi theo từng thời kì khác nhau phụ thuộc vào sự nhận thức của con người trước cuộc sống. Thời kỳ trung cổ, phong kiến là thời kỳ con người theo triết lý khắc kỷ, cảm xúc về cái đẹp ít nằm nơi trần thế mà ở nơi thiên đàng, vì vậy dòng văn học tả chân ít được quan tâm. Đến thời kỳ Phục hưng, dưới sự tác động to lớn của nền văn hóa Hy-La tràn đầy tính thế tục, triết lý khắc kỷ bị xem xét lại, lúc này văn học bắt đầu thể hiện sự say mê trước vẻ đẹp đầy tự do, phóng khoáng của cuộc sống trần thế, đề cao những khát vọng rất đẹp, rất nhân văn của con người. Văn chương thời kỳ cổ điển lại nhằm mục đích đề cao việc từ bỏ tình cảm cá nhân để thực hiện nghĩa vụ đối với đất nước mà thực chất là phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản đang lên và ngấm hạ thấp vai trò của giai cấp quý tộc

phong kiến. Văn xuôi thời kỳ Ánh sáng hướng nhiều hơn đến mục tiêu thể tục, xem xét nhiều hơn mối quan hệ giữa cảm xúc với ngoại giới. Dù văn học thời đại Phục hưng và Ánh sáng rất giàu tính hiện thực nhưng nó vẫn chưa phải là Chủ nghĩa hiện thực như chúng ta thường hiểu vì màu sắc hiện thực trong văn học những thời đại này mới có *“giá trị như là một sự bổ sung cần thiết để nhà văn đạt đến mục đích tối hậu là khẳng định những ngọn cờ tư tưởng của thời đại”* (Nguyễn Hữu Hiếu, 2010: tr. 21). Chỉ đến thế kỷ XIX, dòng văn học hiện thực mới thực sự ra đời với tư cách một trào lưu và với quan điểm thẩm mỹ rõ ràng rằng: mỗi tác phẩm văn học đều hướng tới mục đích tái hiện một cách chính xác, đầy đủ, chân thực môi trường xã hội và thời đại, từ đó, nhà văn phân tích (qua nghệ thuật và bằng nghệ thuật) các mối quan hệ giữa con người với môi trường sống phong phú, phức tạp, thường xuyên biến đổi, đồng thời khái quát những qui luật của hiện thực bằng hình tượng nghệ thuật.

Chủ nghĩa hiện thực Pháp thế kỷ XIX ra đời trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể là giai đoạn thắng thế của chủ nghĩa tư bản và sự lên ngôi của lối sống vật chất, khi con người quan tâm đến đời sống trần thế nhiều hơn. Dòng văn học này có tham vọng phản ánh, phân tích mọi mặt của hiện thực đời sống và hiện thực tâm hồn, tìm hiểu cơ chế vận hành của xã hội. Đây là dòng văn học chịu sự chi phối rất lớn của hiện thực (mà hiện thực luôn có sự biến đổi quanh co, phức tạp), vì vậy, các nhà văn hiện thực luôn tìm kiếm những phương thức, phương tiện (theo họ là hữu hiệu) để tái hiện lại hiện thực xã hội đang thay đổi đầy sinh động ấy. Mỗi nhà văn có cách nhìn về cuộc sống theo hướng riêng. Từ cách nhìn cuộc sống ấy, họ có cách thể hiện quan điểm riêng về cuộc sống qua sáng tác của mình. Các sáng tác của những nhà văn hàng đầu của dòng văn học hiện thực đầu thế kỉ XIX như Stendhal, Balzac, Gustave Flaubert... đều chứng minh khả năng thâm tóat đời sống của nghệ thuật thông qua tìm hiểu mối quan hệ giữa môi trường sống và con người, qua sự cá thể hóa, khái quát hóa bằng cách xây dựng những điển hình nghệ thuật. Các

sáng tác của Balzac, Stendhal, Gustave Flaubert, Guy de Maupassant, Émile Zola và các tác giả khác là minh chứng rõ rệt, chứng minh rằng, cho đến thế kỷ XIX khó có thể có một mô hình văn học nào có sức mạnh lớn lao trong việc thể hiện bức tranh đời sống cũng như khái quát những quy luật của đời sống như văn học hiện thực chủ nghĩa.

Nếu giai đoạn đầu thế kỷ XIX văn xuôi tả chân thiên về quan sát, phân tích hiện thực xã hội mang tầm bao quát cao với đại diện xuất sắc nhất là Balzac thì đến cuối thế kỷ XIX, Chủ nghĩa tự nhiên đã ra đời do Émile Zola khởi xướng lại có màu sắc khác biệt, mang dấu ấn thời đại rõ rệt. Qua nhiều bài viết của mình từ 1871-1880 (Zola, 1981a, 1981b), Zola đề xuất phương pháp sáng tác chung mới là sáng tác văn chương theo mô hình khoa học thực nghiệm và liệt kê một số nhà văn vào dòng văn học tự nhiên chủ nghĩa. Bởi lẽ, dưới sự tác động của những tiến bộ khoa học thực nghiệm, nhất là sinh học, cũng như những mặt trái của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, con người cảm thấy hoài nghi: ngoài quy luật vận động của xã hội mà mọi người đã nhận ra còn yếu tố quan trọng nào khác nữa đang âm thầm điều khiển số phận của con người cũng như điều khiển sự vận động của xã hội, điều này theo Émile Zola là yếu tố sinh vật, tức là yếu tố thuộc về thể chất tự nhiên, thuộc về di truyền. Sự hoài nghi đó là kết quả của tinh thần đề cao vai trò của khoa học nhưng cũng là do lúc này con người đã cảm nhận được sự giới hạn của khoa học trong việc giải thích các hiện tượng đời sống, giải thích sự trống rỗng trong tâm hồn con người trước bộn bề vật chất. Chính trong hoàn cảnh đó, Émile Zola đã nhận ra kiểu văn học hiện thực cổ điển *“ngoài sự chính xác của các chi tiết ra còn phải nói đến sự thể hiện chính xác những tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình”* (F. Engels) không còn thỏa mãn được yêu cầu thẩm mỹ nữa. Ông đã tập hợp được rất nhiều nhà văn lớn cùng thời để bàn bạc, nêu một kiểu tư duy sáng tác mới phù hợp hơn với hoàn cảnh lịch sử - xã hội và nhận thức của con người về hiện tại. Những ý kiến trao đổi ấy được tập hợp trong cuốn *Những buổi tối ở*

Médan và một mô hình văn học mới được khai sinh là Chủ nghĩa tự nhiên. Tất nhiên, các quan điểm sáng tác của Chủ nghĩa tự nhiên không phải hoàn toàn mới mẻ khi Zola lập thuyết. Thực chất, Chủ nghĩa tự nhiên vẫn nằm trong dòng chảy của Chủ nghĩa hiện thực, nó đã có những manh nha từ trước đó, thậm chí một vài khía cạnh mỹ học của Chủ nghĩa tự nhiên đã xuất hiện ngay trong thời kỳ Chủ nghĩa hiện thực cổ điển. Mặc dù còn có những ý kiến khác nhau và bản thân Chủ nghĩa tự nhiên cũng bộc lộ một số hạn chế nhưng đây vẫn là trào lưu có ảnh hưởng lớn, chủ đạo của văn xuôi cuối thế kỷ XIX.

Với tư cách là nhà văn hàng đầu của Chủ nghĩa tự nhiên, Zola mong muốn bộ tiểu thuyết *Gia đình Rougon - Macquart* (1871-1893) của ông có thể sánh ngang với bộ *Tấn trò đời* của Balzac nhưng với phương thức sáng tác khác. Ông mong muốn “*tác phẩm của tôi sẽ là khoa học hơn là xã hội... muốn vẽ nên xã hội hiện đại, mà chỉ một gia đình thôi, để chỉ ra vai trò của huyết thống đang thay đổi những môi trường*” (Nguyễn Thị Anh Thảo, 2001: tr.62). Sự ra đời của Chủ nghĩa tự nhiên (Naturalisme) đã đáp ứng được nhu cầu đổi mới lối viết của văn học hiện thực khi đó đang dần bế tắc. Chủ nghĩa tự nhiên trong văn học có nội hàm là sáng tác văn chương phản ánh mọi hiện tượng phong phú của tự nhiên, của cuộc sống bằng cách ghi chép lại cuộc sống một cách tỉ mỉ, chân thực, khách quan dựa trên các phương pháp của khoa học tự nhiên. Các nhà văn tự nhiên chủ nghĩa bị ảnh hưởng sâu sắc bởi các công trình khoa học *Nguồn gốc các loài* của Dawin, *Mở đầu nghiên cứu về y học thực nghiệm* của Claude Bernard, phương pháp khoa học thực chứng của Comte và của Taine... và cố gắng dùng văn chương để minh chứng những tri thức của khoa học tự nhiên mới mẻ trong đó, cái mà họ đã hào hứng coi là đúng đắn.

Zola xây dựng lý thuyết về Chủ nghĩa tự nhiên với sự tin tưởng mạnh mẽ vào khoa học. Tinh thần khoa học trong văn chương thể hiện ở chỗ nhà văn phải biết cách tôn trọng tài liệu, biết cách quan sát tỉ mỉ, ghi chép cẩn thận, tập hợp tư liệu đầy đủ, rồi thực nghiệm “*để tái tạo hiện*

thực một cách hoàn toàn khách quan và tỉ mỉ ngay cả những khía cạnh tầm thường nhất” (Lê Ngọc Tân, 2002: tr. 29). Mọi hành động phải dựa trên sự nghi ngờ, thậm chí nghi ngờ chính bản thân mình nhưng phải tin vào khoa học. Chỉ có sự nghi ngờ mới có thể giúp chúng ta tìm đến được hiểu biết tuyệt đối và chỉ không nghi ngờ nữa khi tìm được quy luật vận hành của tự nhiên. Áp dụng phương pháp thực nghiệm, Zola muốn tìm ra hiện thực thực sự của cuộc sống chứ không phải là hiện thực bên ngoài. Cách làm đó của các nhà tự nhiên chủ nghĩa giúp cho kết quả khoa học được thừa nhận ở mọi nơi, giúp giải phóng con người ra khỏi những vấn đề còn mơ hồ, ảo tưởng.

Bộ tiểu thuyết *Gia đình Rougon - Macquart* gồm có 20 tiểu thuyết với khoảng 1200 nhân vật ở tất cả các tầng lớp xã hội khác nhau nhưng Zola chú ý nhất là tầng lớp dưới đáy xã hội, coi họ là đối tượng thẩm mỹ chính của văn học. Người thợ là nhân vật chính trong rất nhiều tác phẩm của ông như *Quán rượu*, *Germinal*, *Con vật người*... Ở đó, những người lao động, dưới ngòi bút chịu ảnh hưởng của thuyết sinh tiến hóa của Darwin, đã bị yếu tố sinh vật điều khiển kiểu “*con vật - người*” theo quy luật của “*chủ nghĩa Darwin xã hội*” (Nguyễn Thị Anh Thảo, 2001: tr. 63), “*mạnh được yếu thua*”... do sự thúc đẩy của di truyền từ đời này sang đời khác, của bệnh lý thần kinh, của xung động tình dục, của thú tính... tức là phần sinh lý tự nhiên theo kiểu “*một khi con người về cơ bản là vật chất thì bản chất họ đều giống nhau*” (Nguyễn Thị Anh Thảo, 2001: tr. 64)... Nhà văn ngầm khẳng định số phận của con người là yếu tố di truyền, nòi giống, chẳng hạn, anh ta là người mắc bệnh điên, nghiện rượu, chết sớm... là vì thế hệ trước của anh ta có người bị như thế. Điều này chứng tỏ Zola tin tưởng vào thuyết tiền định sinh vật luận, con người không được tự do lựa chọn cuộc đời hạnh phúc hay khổ đau cho mình. Tư duy sáng tác này là điểm khác biệt nghệ thuật tiểu thuyết của ông so với các nhà văn thời hiện thực phê phán đầu thế kỷ, đồng thời thực tế đã chứng minh đây là điểm hạn chế, góp phần trói buộc sáng tác của ông. Nhưng chính ông cũng bị mâu

thuần trong tư tưởng khi không thể phủ nhận được những tác động của xã hội đến số phận của con người nói chung, các nhân vật trong sáng tác của ông nói riêng. Có sự mâu thuẫn trong nhận thức này là vì bản thân Zola rất ham hiểu biết, quan tâm sâu sắc đến tình hình thời sự và bản thân luôn bị phương pháp sáng tác của Balzac ám ảnh rằng: nhà tiểu thuyết phải là thư ký của lịch sử, chỉ có chức năng ghi chép, không có quyền được phán xét. Ông cũng bị ảnh hưởng bởi Taine khi quan tâm đến chủng tộc, hoàn cảnh và thời điểm cụ thể tức là môi trường sống cụ thể để đưa ra nguyên nhân dẫn đến *khí chất, tính khí (tempérament)* riêng của mỗi người. Chính mâu thuẫn tư tưởng ấy là một trong những lý do khiến tác phẩm của Zola vượt qua được giới hạn của lý thuyết do chính ông đặt ra. Ông nhận thấy nhiều bất cập của những nhân vật dưới đáy xã hội và đám đông “*ngu dốt*” (chữ của Zola) chứ không phải nhân vật cụ thể điển hình kiểu Balzac, nhưng ông vẫn bộc lộ rõ sự ưu ái, tin tưởng vào con người, vào lao động, công lý, sự thật và tin tưởng vào sự tiến bộ của xã hội về mặt kinh tế. Đây là điểm còn “*lãng mạn*” của Zola. Sự tin tưởng vào con người, vào cuộc sống này hầu như không còn trong các tác phẩm của Maupassant khi sự hoài nghi và bi quan đã được đẩy lên đến mức ám ảnh.

Ảnh hưởng của Zola đối với dòng văn học tả chân cuối thế kỷ XIX rất lớn. Sau *Những buổi tối ở Médan*, một số nhà văn đi theo con đường ông đã định hướng như Henri Céard, Paul Alexis, Carl Joris Huysmans...; một số muốn giảm bớt sự “*thô mộc*” trong ngôn ngữ hay cách sử dụng ngữ liệu ngôn ngữ nhưng vẫn trung thành về đề tài của Chủ nghĩa tự nhiên như Lucien Descaves, Paul Bonnetain, Gustave Guiches, Léon Hennique... Để rời từ cái nền của Chủ nghĩa tự nhiên, các nhà văn cùng thời và hậu Zola ở trong nước và cả ở nước ngoài dần tìm cho mình con đường đi riêng phù hợp với sở trường của mình. Từ đó, những dấu hiệu của chủ nghĩa hiện đại đầu thế kỷ XX ra đời mà nhà văn Lawrence (Anh), James Joyce (Iceland) hay Marcel Proust (Pháp) là những tác giả tiêu biểu.

Tóm lại, dòng văn học tả chân Pháp cuối thế

ky XIX có sự thay đổi gắn liền với sự biến đổi không ngừng của lịch sử, xã hội, tư duy của con người. Sự thay đổi đó góp phần làm cho dòng văn học hiện thực và những hiện tượng văn học tiếp bước của nó luôn sinh động, hấp dẫn, phù hợp với sở thích thẩm mỹ của độc giả đương thời. Sự thay đổi ấy cũng là những bước tiến để văn học chuyển sang thời kỳ hiện đại, đáp ứng nhu cầu của độc giả trong thời kỳ mới.

4. Sự hình thành xu hướng thẩm mỹ mới

Năm 1857, Champfleury viết tuyên ngôn của Chủ nghĩa hiện thực. Thực chất, đó là bản tổng kết thực tế sáng tạo của các nhà văn hiện thực cổ điển từ thập niên 30 đến thập niên 50. Tuy nhiên, tùy vào thời kỳ khác nhau mà thiên hướng xã hội của các sáng tác được Champfleury đề cập thể hiện bằng những hình thức khác nhau, qua cái nhìn, quan điểm khác nhau của nhà văn. Nếu Chủ nghĩa hiện thực cổ điển (*réalisme classique*) tạo nên mô hình văn học thiên về tả chân, tiêu biểu cho sức mạnh dựa trên quan sát đời sống, phân tích đời sống, khái quát các quy luật hiện thực đời sống thông qua các nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình thì càng về cuối thế kỷ XIX, dòng văn học hiện thực ngày càng biến đổi mạnh mẽ dưới sự tác động của khoa học, kỹ thuật và sức mạnh tìm tòi, sáng tạo mới của nhà văn.

Một trong những thay đổi rõ nhất của dòng văn học hiện thực đó là mức độ ảnh hưởng của khoa học thực nghiệm. Các nhà văn đã áp dụng những tiến bộ của khoa học tự nhiên vốn chỉ dùng trong nghiên cứu tự nhiên vào nghiên cứu xã hội, để tìm ra bản chất thực sự của sự vận động của xã hội. Chủ nghĩa hiện thực cổ điển thịnh trị trong khoảng 30 năm (1830-1860) đã tạo ra bước ngoặt lớn trong văn học, làm cho văn học thoát khỏi *nỗi đau thế kỷ* (*le mal du siècle*) và tâm trạng buồn triền miên của Chủ nghĩa lãng mạn, làm cho văn học mạnh mẽ hơn, cường tráng và có sinh khí hơn. Mô hình này đã thăng hoa rực rỡ với những cái tên làm rạng danh văn học Pháp như Stendhal, Balzac, Flaubert... Nguyên tắc sáng tạo của giai đoạn sáng tác này là chi tiết phải chân thật, xây dựng được nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Để có tính điển hình, nhà văn phải biết

khái quát mạnh mẽ các vấn đề của hiện thực, quy luật của cuộc sống đồng thời cũng rất thành công trong việc cụ thể hóa, sinh động hóa nhân vật để phân biệt nhân vật này với nhân vật khác. Balzac từng khẳng định “*tôi chẳng bịa ra cái gì cả*”. Khẳng định điều đó không có nghĩa là Balzac và các nhà hiện thực cổ điển chỉ chép lại, chụp ảnh lại cuộc sống (theo cách thức Émile Zola coi là bút pháp). Tác phẩm văn học là tấm gương phản ánh cuộc sống, nhưng từ vô vàn sự kiện, hoàn cảnh sống, vô vàn cuộc đời, tác giả thông qua khái quát hóa, điển hình hóa và cụ thể hóa để các sự kiện, nhân vật trong tác phẩm trở nên sinh động hơn, chân thực hơn nhưng sự chân thực ấy không trùng khít với sự chân thực của cuộc sống.

Đến nửa cuối thế kỷ XIX, đặc biệt trong khoảng từ 1870 trở đi, mô hình sáng tác kiểu Balzac dần mất đi sự hấp dẫn đối với các nhà văn, văn học hiện thực khủng hoảng trong phương pháp sáng tạo. Như đã trình bày ở trên, sự phát triển của kinh tế làm cho con người bị choáng ngợp, thay đổi. Hiểu về con người trong tổng hòa các mối quan hệ là mục tiêu lớn của văn chương. Vì vậy, Zola và các nhà văn cùng chí hướng như Guy de Maupassant, anh em nhà Goncourt,... mong muốn hiểu sâu hơn về con người bằng cách áp dụng phương pháp thực nghiệm của khoa học tự nhiên vào nghiên cứu con người và xã hội. Ông là người viết tuyên ngôn cho Chủ nghĩa tự nhiên và khẳng định cuộc “hợp duyên” giữa khoa học và tiểu thuyết là hoàn toàn có thể thực hiện được. Đó là cuộc “hợp duyên” giữa sức mạnh của tính chân thật trong khoa học và nét đẹp đặc trưng của nghệ thuật ngôn từ. Mặt khác, bị ảnh hưởng bởi mô hình của bộ *Tấn trò đời* (Balzac), Zola đã sáng tác bộ *Gia đình Rougon - Macquart* để minh chứng cho lý luận của bản thân mình. Theo Zola, thay vì chúng ta nghiên cứu con người trừu tượng, chúng ta hãy nghiên cứu con người tự nhiên, đặc biệt các hiện tượng có thể quan sát được từ người mang bệnh và ảnh hưởng của môi trường sống bằng phương pháp của khoa học thực nghiệm. Con đường thực nghiệm, theo ông, đã giúp chúng ta “*hiểu cuộc sống vật lý thì cũng*

sẽ giúp hiểu cuộc sống dực vọng và trí tuệ” (Lê Ngọc Tân, 2002: tr. 45). Nhà tiểu thuyết đồng thời là nhà khoa học thực nghiệm và tiểu thuyết thực nghiệm là đỉnh cao nhất của khoa học thực nghiệm (theo quan điểm của ông). “*Nhà thực nghiệm là thư ký của tự nhiên*”, còn những nhà tiểu thuyết tự nhiên chủ nghĩa là “*những thư ký của con người và dực vọng của họ*” (Lê Ngọc Tân, 2002: tr. 52). Phương pháp thực nghiệm yêu cầu phải tôn trọng tài liệu, quan sát tỉ mỉ kể cả những cái tầm thường nhất, những cái văn học trước đó thường tránh đề cập. Chính yếu tố này đã làm dân chủ hóa tiểu thuyết khi nó đề cập đến cả những vấn đề trước kia ít khi được đề cập đến (Lê Ngọc Tân, 2002). Ông xóa bỏ lằn ranh phân biệt đề tài thấp kém hay cao quý khi khẳng định dù viết về đề tài nào nhưng nhà văn đạt được mục đích sáng tác của mình thì đều đáng trân trọng. Từ việc quan sát, nhà văn cũng như những nhà khoa học thực nghiệm phải biết ghi chép cẩn thận những hiện tượng xảy ra trước mắt để có nền tảng kiến thức, từ đó suy luận tìm ra quy luật vận hành của xã hội từ những quy luật vận hành của con người tự nhiên.

Zola trở thành tấm gương về việc lao động nghệ thuật nghiêm túc. Để có nguồn tư liệu, ông đi khắp nơi, tiếp xúc hỏi han mọi người, tra cứu thông tin. Ông đến tận khu mỏ Anzin để tìm hiểu về cuộc đình công dài 56 ngày đêm của 12.000 thợ mỏ xảy ra vào tháng 2-1884, cùng ăn, ở, tham gia hội họp cùng với công nhân, quan sát khu mỏ, đọc sách báo về khu mỏ và đời sống công nhân ở đây. Đặc biệt, ông nghiên cứu rất kỹ tài liệu về cuộc đình công và quan tâm sâu sắc đến số phận của những nạn nhân. Ông bỏ ra hàng tháng trời để quan sát, ghi chép chi tiết về hầm lò, trang trại, khu chợ, chợ chứng khoán... Người đọc có thể tìm các thông tin kiểu của các nhà xã hội học, văn hóa học, lịch sử... từ tác phẩm của Zola mà không cần băn khoăn về tính chân thực của nó.

Sau khi quan sát, nhà văn phải tiến hành thực nghiệm như một nhà khoa học thực nghiệm mà yếu tố đầu tiên khiến các nhà văn tự nhiên chủ nghĩa có thể thể hiện quan điểm của mình là phải có sự hoài nghi đối với mọi vấn đề, phải xuất

phát từ sự nghi ngờ mang tính khoa học mà “ở đó họ phải đối diện những hiện thực còn ít biết đến, những hiện tượng chưa được giải thích” (Lê Ngọc Tân, 2002: tr. 55). Nhà văn phải “nghi ngờ để đạt tới sự hiểu biết tuyệt đối” (Lê Ngọc Tân, 2002: tr. 44) dựa trên thuyết quyết định luận, thứ mà theo Zola “thống trị tất cả” (Lê Ngọc Tân, 2002: tr. 59), tức là thừa nhận các hiện tượng tự nhiên và xã hội đều có tính quy luật, tất nhiên và theo mối quan hệ nhân quả, từ đó tìm ra sự thật về tự nhiên, xã hội.

Một trong những điểm quan trọng nhất trong Chủ nghĩa tự nhiên là muốn nhấn mạnh “vấn đề di truyền có một ảnh hưởng lớn đến việc biểu hiện của tinh thần và dục vọng của con người” và tác động của “môi trường có tầm quan trọng rất lớn” (Lê Ngọc Tân, 2002: tr. 60). Ông tin rằng dựa vào sinh học, tức môi trường bên trong, kết hợp với môi trường xã hội, tức môi trường bên ngoài, giúp con người hiểu được quy luật vận hành của tư tưởng và dục vọng.

Ngoài ra, Zola còn bị ảnh hưởng bởi phương pháp phê bình văn hóa - lịch sử của Hippolyte Taine (1828-1893) khi cho rằng ba yếu tố chủng tộc (race), hoàn cảnh (milieu), thời điểm (moment) là những yếu tố quan trọng chi phối đời sống cộng đồng và cá nhân mỗi con người. Quan tâm đến ba yếu tố này, tác giả muốn tìm ra cái gốc tự nhiên, cái sự thật thật hơn ở con người. Zola mong muốn các sáng tác phải lấy cảm hứng lịch sử, phản ánh trung thực đời sống xã hội. Không phải ngẫu nhiên, bộ tiểu thuyết *Gia đình Rougon - Macquart* của ông có tên phụ là “*Lịch sử tự nhiên và xã hội của một gia đình dưới Đế chế II*” với tham vọng mô tả những biến đổi của thời kỳ Đế chế II và những thăng trầm của năm thế hệ trong một gia đình qua hai mươi cuốn tiểu thuyết. Ông xây dựng thế giới nhân vật dựa trên cái khung phả hệ của hai dòng máu (nhân vật thuộc dòng máu Rougon luôn thành đạt, thăng tiến còn nhân vật thuộc dòng máu Macquart đều nghèo khổ, bệnh tật, hủy hoại), đối sánh số phận của con cháu xuất phát từ hai dòng máu đó để khẳng định vai trò của di truyền, của huyết thống đối với tính khí, với sự thăng trầm trong cuộc đời của mỗi nhân vật

trong tổng hòa các mối quan hệ trong xã hội. Ông nhấn mạnh đó là con người sinh lý của khoa học hiện nay, một sinh vật gồm những cơ quan và những mình vào một môi trường, thấm ướt môi trường đó trong từng giờ từng phút (Luu Tô Xương và cộng sự, 2002). Để làm được điều đó, tác giả cho mỗi nhân vật trong gia đình ấy lần lượt là nhân vật chính trong một cuốn tiểu thuyết, đặt nhân vật trong môi trường cụ thể và tái xuất hiện trong nhiều tác phẩm. Kiểu nhân vật tái xuất hiện là điều Zola đã học hỏi được từ Balzac. Tuy nhiên, mỗi dây liên hệ để nhân vật tái xuất hiện khác nhau; nhân vật trong sáng tác của Balzac tái xuất hiện do sự sắp đặt về sự vận động trong hoàn cảnh mới, vị trí xã hội mới, tính cách mới, còn nhân vật trong tiểu thuyết của Zola tái xuất hiện trong hoàn cảnh mới nhưng cái chi phối lại là sợi dây liên kết về huyết thống, di truyền.

Việc áp dụng tiến bộ khoa học vào sáng tác văn chương không chỉ dừng lại ở nhà lập thuyết, nhà tiểu thuyết thực nghiệm Zola, mà ảnh hưởng đến một số nhà văn đương thời khác quy tụ trong nhóm *Những buổi tối ở Médan*, trong đó có Maupassant, tạo nên trào lưu văn học mới tiếp nối dòng văn học hiện thực nhưng với quan điểm thẩm mỹ khác với Chủ nghĩa hiện thực cổ điển. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, giữa lý luận của Chủ nghĩa tự nhiên và thực tế sáng tác có độ chênh nhất định. Chính độ chênh đó đã giúp sáng tác của Zola không đơn thuần là khoa học mà nó còn là những tìm kiếm thẩm mỹ mới mẻ, góp phần làm mới đời sống văn học.

Nếu các nhà văn hiện thực cổ điển thích thú với tham vọng trở thành “*thư ký của thời đại*”, “*mang cả lịch sử trong đầu*” (Balzac), thích tái hiện hiện thực cuộc sống với nguồn tư liệu vô cùng phong phú, bao quát bức tranh phong tục của xã hội trên quy mô rộng lớn thì văn học hiện thực Pháp nửa sau thế kỷ XIX lại làm người đọc ấn tượng và ám ảnh với cách chụp ảnh hiện thực, cái được phản ánh là bất cứ thứ gì có trong hiện thực, dù cao cả hay thấp hèn, dù tốt đẹp hay xấu xa... Người mở đầu kiểu văn học này là Flaubert với tác phẩm *Bà Bovary* – một tác phẩm tạo cho người đọc ám ảnh về cái tầm thường, giả dối.

Dù có nhiều điểm đáng phê phán nhưng kiểu nhân vật đầy dục vọng trong sáng tác của Balzac, Stendhal ít nhiều vẫn còn gây cảm tình của bạn đọc, gợi lên niềm lạc quan, kỳ vọng vào những điều tốt đẹp sẽ xảy ra, còn nhân vật trong sáng tác của Flaubert lại gây nên cho người đọc “*ám ảnh về sự thống trị không cưỡng lại được của cái tầm thường*” (Nguyễn Hữu Hiếu, 2010: tr.64), trong cái nhìn đầy hoài nghi, bi quan trước hiện thực đầy dung tục. Sự bi quan này còn được đẩy lên thành một trong những yếu tố chính chi phối trong sáng tác của Guy de Maupassant. Tần suất thể hiện cái xấu, cái ác, cái giả dối, cái tầm thường, cái thiếu nhân tính... càng về cuối thế kỷ càng được nhấn mạnh đến mức ám ảnh. Các tác phẩm như *Một cuộc đời*, *Con quỷ*, *Một mẹo lừa*, *Kẻ lang thang*, *Kẻ giết cha mẹ*... gây ám ảnh cho người đọc về một thế giới chưa bao giờ ít tính người hơn thế như Maupassant từng nhận định. Thậm chí, để nhấn mạnh nỗi ám ảnh trước đời sống, tác giả còn dùng cách viết đầy yếu tố kì ảo. Một số tác phẩm như vậy được in trong cuốn *Truyện ngắn kỳ lạ* mà ở đó người đọc cảm nhận được sự lên ngôi, chi phối của đồ vật, của sự cô đơn, của sự giả dối tận cùng... Ông đã đẩy sự bi quan, vỡ mộng, tuyệt vọng về con người lên thành triết lý. Càng về cuối thế kỷ XIX, sự “*ly khai*” hình thức văn chương thiên về quan sát, miêu tả bên ngoài càng rõ rệt. Nhà văn ít quan tâm hơn đến hiện thực bên ngoài mà thiên về miêu tả diễn biến tâm lý phức tạp của nhân vật, thường là nhân vật “*tôi*” – người kể chuyện. Thậm chí những nguyên nhân xã hội của hành vi và hành động của nhân vật “*bị hạ xuống mức chỉ còn là cái búng ban đầu*” (Сучков Б.Л., 1977a, Hoàng Ngọc Hiến và cộng sự dịch, 1980: tr.280) để làm nổi bật những mặt đối lập trong tâm hồn con người để “*nghiên cứu thế giới tâm hồn bên trong của con người bị tách rời khỏi môi trường xã hội*” (Сучков Б.Л., 1977, Hoàng Ngọc Hiến và cộng sự dịch, 1980a: tr.284). Đây là những tiền đề để chủ nghĩa hiện đại ra đời trong văn học thế kỷ XX.

5. Kết luận

Bài viết này nhằm khái quát sự bước phát

triển mới của dòng văn học hiện thực Pháp cuối thế kỷ XIX mà dấu ấn sâu đậm nhất là sự ra đời và phát triển của dòng văn học tự nhiên chủ nghĩa. Tuy nhiên, bài báo chưa quan tâm đúng mức đến văn học Công xã Paris – dòng văn học được xếp vào dòng văn học hiện thực nhưng mang đặc điểm khác biệt, cái mà sang thế kỷ XX được gọi là tiền thân của văn học xã hội chủ nghĩa.

Văn học hiện thực Pháp cuối thế kỷ XIX nói riêng, tổng hòa các dòng văn học Pháp cuối thế kỷ XIX nói chung trong mối quan hệ với các nền văn học lớn của thế giới lúc bấy giờ như văn học Nga, Anh, Mỹ... là tiền đề cho sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa hiện đại ở thế kỷ XX. Đây cũng là giai đoạn văn học có ảnh hưởng rất sâu sắc đến văn học Việt Nam nói riêng, văn học thế giới nói chung.

Hiểu về sự vận động của văn học hiện thực Pháp có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hiểu sự vận động của văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945 nói riêng, sự vận động của văn học hiện đại thế giới nói chung. Hơn nữa, đối với các nhà nghiên cứu văn học, giai đoạn văn học này rất hấp dẫn vì còn nhiều khoảng trống để nghiên cứu. Đây chính là tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo của người nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

- Lê Nguyên Căn (2014). *Tiểu thuyết phương Tây thế kỷ XIX*. Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Darcos, X. (1992). *Histoire de la littérature française*. Phan Quang Định dịch (1997). *Lịch sử văn học Pháp*. Nxb Văn hóa thông tin.
- Đỗ Đức Dục (1981). *Chủ nghĩa hiện thực phê phán trong văn học phương Tây*. Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.
- Đỗ Đức Dục (1972). Chủ nghĩa hiện thực phê phán trong văn học phương Tây từ nửa sau thế kỷ XIX bước sang thế kỉ XX. *Tạp chí Văn học*, 3, tr. 91.
- Đỗ Đức Dục (1981). *Chủ nghĩa hiện thực phê phán trong văn học phương Tây (dưới ánh sáng quan điểm Mác-xít)*. Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.
- Đặng Anh Đào, Hoàng Nhân, Lương Duy Trung, Nguyễn Đức Nam, Nguyễn Thị Hoàng,

- Nguyễn Văn Chinh, Phùng Văn Tửu (2012). *Văn học phương Tây*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Fortassier, R. (1982). *Le roman français au 19^e siècle*. Nguyễn Thanh dịch (1999). *Tiểu thuyết Pháp thế kỷ XIX*. Hà Nội, Nxb Thế giới.
- Nguyễn Như Hiền, Lê Đình Lượng, Đái Duy Ban (2005). *Những phát minh trong khoa học sự sống*. Hà Nội, Nxb Khoa học và kỹ thuật.
- Đỗ Đức Hiểu (1978). *Văn học công xã Paris*. Hà Nội, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
- Nguyễn Hữu Hiếu (2010). Khảo sát sự chuyển hướng thẩm mỹ văn học Pháp cuối thế kỷ XIX. *Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia*. Tp. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh.
- Thái Thu Lan (1991). Emin Dôla – nhà văn của những thế nghiệm và thử thách. *Tạp chí Văn học*, 5, tr. 42.
- Thái Thu Lan (2001). *Các tác giả lớn của văn học Pháp thế kỷ XIX*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Giáo dục.
- Thái Thu Lan (2005). *Jules Vallès – nhà văn xuất sắc của Công xã Paris*. Nxb Đại học quốc gia TP. HCM.
- De Ligny C., Rousselot M. (1998). *La littérature française*. Trịnh Thu Hồng, Đỗ Phương Mai dịch (1998). *Văn học Pháp*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Giáo dục.
- Hoàng Nhân (1997). *Tuyển tập văn học Pháp (tập II – thế kỷ XIX, XX)*. Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ và Hội nghiên cứu và giảng dạy văn học Tp. Hồ Chí Minh.
- Hoàng Nhân, Nguyễn Ngọc Ban, Đỗ Đức Hiểu (1979). *Lịch sử văn học phương Tây*, tập 2. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Giáo dục.
- Hà Thị Thu Phương (2016). *Sự thay đổi thẩm mỹ của dòng văn học hiện thực qua truyện ngắn Guy de Maupassant*. Luận văn Thạc sĩ. Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP. HCM.
- Đoàn Rạng, Vũ Quý Mão, Trần Như Thuần, Đỗ Quang Giai (1962). *Mười thế kỷ văn chương Pháp (quyển II)*. Sài Gòn, Khai Trí xuất bản.
- Lê Hồng Sâm, Đặng Thị Hạnh (1981). *Văn học lãng mạn và văn học hiện thực phương Tây thế kỷ XIX*. Hà Nội, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp.
- Lê Hồng Sâm (1989). Guxtav Phlôbe, một gương mặt bi đát trong văn học Pháp. *Tạp chí Văn học*, 3, tr. 43.
- Cao Chi, Chu Hào, Pierre Darriulat, Nguyễn Xuân Xanh, Phạm Xuân Yêm (chủ biên) (2014). Khi văn chương vinh danh khoa học (Kỳ 1, 2, 3). Trích từ Kỷ yếu *Hạt Higgs và Mô Hình Chuẩn*. <http://tiasang.com.vn/-van-hoa/khi-van-chuong-ving-danh-khoa-hoc-ky-1-7499>. Truy cập ngày: 20 tháng 8 năm 2017.
- Lê Ngọc Tân (2002). *Chủ nghĩa tự nhiên, Zola và tiểu thuyết*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Hội Nhà văn.
- Nguyễn Thị Anh Thảo (2001). *Tiểu thuyết Pháp thế kỷ XIX và những ảnh hưởng đối với một số nhà văn Việt Nam tiêu biểu thời kỳ 1932-1945*. Luận án Tiến sĩ ngành Lý thuyết và Lịch sử văn học. Viện Khoa học Xã hội tại Tp. Hồ Chí Minh.
- Đặng Thanh Tịnh (biên soạn) (2006). *Lịch sử nước Pháp*. Nxb Văn hóa - Thông tin.
- Phùng Văn Tửu, Lê Hồng Sâm (chủ biên) (2005). *Lịch sử văn học Pháp thế kỷ XVIII và thế kỷ XIX (tập II)*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Сучков Б.Л. (1977a). *Исторические судьбы реализма*. Hoàng Ngọc Hiến và những người khác (dịch từ nguyên bản tiếng Nga) (1980). *Số phận lịch sử của chủ nghĩa hiện thực (suy nghĩ về phương pháp sáng tác)*, Tập 1. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Tác phẩm mới, Hội Nhà văn Việt Nam.
- Сучков Б.Л. (1977b). *Исторические судьбы реализма*. Hoàng Ngọc Hiến và những người khác (dịch từ nguyên bản tiếng Nga) (1982). *Số phận lịch sử của chủ nghĩa hiện thực (suy nghĩ về phương pháp sáng tác)*, Tập 2. Hà Nội, Nxb Tác phẩm mới, Hội Nhà văn Việt Nam.
- Lưu Tô Xương, Quang Nhân Hồng, Hàn Thừa Văn (chủ biên) (2002). *Lịch sử thế giới thời cận đại (1640-1900); Tập 3*. Nxb Tổng hợp TP. HCM.
- Zola, Z. (1881a). *Le Roman Expérimental*. Paris, Cinquième édition, G. Charpentier édition.
- Zola, Z. (1881b). *Les Romanciers naturalists*. Paris, G. Charpentier édition.